

Bản án số: 75/2021/HS-ST  
Ngày 24 – 5 - 2021

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẨM PHẢ, TỈNH QUẢNG NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Nguyễn Văn Quyền.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Mạnh Hùng và ông Nguyễn Hồng Quảng.

**- Thư ký phiên toà:** Bà Đỗ Thu Hà - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Ngân và ông Nguyễn Văn Hoài - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 39/2021/TLST - HS ngày 25 tháng 3 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2021/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 5 năm 2021 và, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Văn M**; sinh ngày: ngày 27/5/1975, tại thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh; nơi cư trú: Tổ 1, khu Đ, phường T1, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: Lớp 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Bá N (đã chết) và bà Đoàn Thị T2 (đã chết); vợ, con: chưa có; tiền án: Ngày 14/9/2005 bị Tòa án nhân dân thị xã Cẩm Phả (nay là thành phố Cẩm Phả), tỉnh Quảng Ninh xử phạt 9 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thử thách 18 tháng về tội “Trộm cắp tài sản”; ngày 25/4/2006, bị Tòa án nhân dân Quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, xử phạt 8 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, tổng hợp với 09 tháng tù cho hưởng án treo, buộc phải chấp hành hình phạt chung là 17 tháng tù; ngày 29/10/2007, bị Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long xử phạt 54 tháng tù về các tội “Trộm cắp tài sản” và “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, ngày 02/10/2011 chấp hành xong hình phạt tù; ngày 08/01/2013, bị Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 06 năm tù về các tội “Trộm cắp tài sản” và “Cướp giật tài sản” ngày 27/01/2018 chấp hành xong hình phạt tù; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 23/4/1994, bị Tòa án nhân dân Tối Cao xử phạt 05 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/12/2020, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

2. Họ và tên: **Nguyễn Ngọc T3**; sinh ngày: ngày 28/10/1968, tại thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh; nơi cư trú: Tổ 6, khu T4, phường T1, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: Lớp 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Ngọc T5 (đã chết) và bà Vũ Thị N; có vợ là Trần Thị H, có 02 con, lớn sinh năm 1994, nhỏ sinh năm 2000; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 24/5/2002 bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xử phạt 08 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, ngày 18/10/2008 chấp hành xong toàn bộ bản án; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/12/2020, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

**\* Bị hại:**

- Chị **Lê Thị T6**; sinh năm: 1988; nơi cư trú: Tổ 6, khu 2A, phường T9, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.
- Anh **Lê Văn T7**; sinh năm: 1982; nơi cư trú: Thôn Đ, xã L, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.
- Chị **Bùi Thị B**; sinh năm: 1984; nơi cư trú: Tổ 5, khu 9B, phường Q, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.
- Chị **Phạm Thị K**; sinh năm: 1994; nơi cư trú: Tổ 2, khu G, phường T10, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.
- Ông **Lương Văn H1**; sinh năm: 1959; nơi cư trú: Tổ 3, khu Đ, phường T1, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.
- Chị **Vũ Thị S**; sinh năm: 1980; nơi cư trú: Tổ 2, khu B, phường T1, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.
- Anh **Lê Văn D**; sinh năm: 1977; nơi cư trú: Tổ 4, khu D, phường B, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.
- Bà **Lê Thị Thanh V**; sinh năm: 1969; nơi cư trú: Tổ 58, khu M, phường C, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

**\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Anh **Nguyễn Văn T8**; sinh năm: 1982; nơi cư trú: Tổ 5, khu 9B, phường Q, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.
- Anh **Bùi Văn D**; sinh năm: 1990; nơi cư trú: Thôn M, xã N, huyện THANH MIỆN, tỉnh Hải Dương; vắng mặt; vắng mặt.
- Anh **Nguyễn Văn H2**; sinh năm: 1995; nơi cư trú: Tổ 8, khu H, phường T11, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

**\* Người làm chứng:**

- Anh **Hoàng Văn S**; sinh năm: 1977; nơi cư trú: Tổ 1, khu 4A, phường Q, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.
- Anh **Nguyễn Văn H3**; sinh năm: 1978; nơi cư trú: Tổ 2, khu 5B, phường T9, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.
- Anh **Nguyễn Trung H4**; sinh năm: 1986; nơi cư trú: Tổ 8, khu Q, phường C, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn M và Nguyễn Ngọc T3 là bạn của nhau, đều không có công việc và thu nhập. M không có chỗ ở nên xin ở cùng nhà với T3, để lấy tiền chi tiêu, M rủ T3 đi trộm cắp tài sản. Khi đi trộm cắp, T3 đều sử dụng và trực tiếp điều khiển xe máy Nouvo màu đỏ, đeo biển kiểm soát 14T4-7260 để chở M, phát hiện thấy nhà nào sơ hở, không có người trông coi, T3 sẽ dừng xe máy ở bên ngoài, nổ máy sẵn để cảnh giới cho M vào trong trộm cắp. Từ ngày 26/7/2020 đến ngày 11/12/2020, M và T3 đã thực hiện nhiều vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn thành phố Cẩm Phả, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 26/7/2020, T3 điều khiển xe máy, chở M đi đến khu vực tổ 5, khu 4A, phường T9, thành phố Cẩm Phả, thấy quán gội đầu của chị Lê Thị T6 mở cửa. T3 dừng xe ở bên ngoài cách quán của chị T6 khoảng 12m, M vào trong quán thấy chị T6 và một phụ nữ khác đang ngủ trong quán. Chị T6 nằm ngủ trên bàn gội đầu, bên cạnh sạc điện chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xsmax. M rút dây sạc điện, lấy chiếc điện thoại. Sau đó, cả hai mang đến hiệu điện thoại Đức Trung Mobile của anh Nguyễn Trung H4 ở tổ 4, khu P, phường T1, thành phố Cẩm Phả, bán được 4.500.000 đồng rồi chia nhau mỗi người 2.250.000 đồng.

Vụ thứ hai: Khoảng 12 giờ 30 phút, ngày 02/11/2020, T3 điều khiển xe máy, chở M đi đến cửa hàng tạp hóa của chị Bùi Thị B ở tổ 5, khu 10A, phường Q, thành phố Cẩm Phả. T3 dừng xe ở bên ngoài cách cửa hàng khoảng 10m, M vào trong nhà thấy chị B đang nằm ngủ, bên cạnh để chiếc hộp sắt đựng tiền. M lấy chiếc hộp, đi ra ngoài để T3 chở về. Trên đường đi, M đếm được trong hộp có 2.600.000 đồng, chia nhau mỗi người 1.300.000 đồng, còn chiếc hộp M đã vứt đi dọc đường nhưng không nhớ vứt ở địa điểm nào.

Vụ thứ ba: Khoảng 19 giờ ngày 17/11/2020, T3 điều khiển xe máy, chở M đi đến cửa hàng bán thuốc tân dược của chị Phạm Thị K ở tổ 2, khu Hai Giếng 1, phường T10, thành phố Cẩm Phả. M quan sát thấy không có ai trông coi cửa hàng, nên bảo T3 dừng xe ở bên ngoài cách cửa hàng khoảng 12m, M đi vào trong cửa hàng, mở ngăn tủ ở phía dưới tủ thuốc lấy được 800.000 đồng. Sau đó, T3 chở M về nhà, M chia cho T3 400.000 đồng. Đối với hành vi tham gia trộm cắp 800.000 đồng (của chị K) của T3 chưa đủ truy cứu trách nhiệm hình sự nên Cơ quan cảnh sát điều tra đã ra Quyết định xử phạt hành chính.

Vụ thứ tư: Khoảng 18 giờ ngày 10/12/2020, T3 điều khiển xe máy, chở M đi đến nhà anh Lê Văn D ở tổ 4, khu Diêm Thủy, phường B, thành phố Cẩm Phả, phát hiện thấy nhà anh D mở cửa, không có người trông coi. T3 dừng xe ở bên ngoài, M vào trong nhà lấy 01 chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu Samsung A6 tại kệ gỗ để tivi ở trong phòng khách. Sau đó, cả hai mang đến hiệu điện

thoại Văn Hùng của anh Nguyễn Văn H3 ở tổ 2, khu 5B, phường T9, thành phố Cẩm Phả, bán được 500.000 đồng và cùng nhau ăn tiêu hết.

Vụ thứ năm: Khoảng 19 giờ ngày 11/12/2020, T3 điều khiển xe máy, chở M đi đến khu vực tổ 58, khu M, phường C, thành phố Cẩm Phả, phát hiện thấy nhà chị Lê Thị Thanh V mở cửa, không có người trông coi. T3 dừng xe ở bên ngoài cách nhà chị V khoảng 12m, M vào trong nhà lấy 01 chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone 7Plus để trên mặt bàn gỗ. Sau đó, cả hai mang đến hiệu cầm đồ Xuân Thủy ở tổ 2, khu 5B, phường T9, thành phố Cẩm Phả, bán cho anh Bùi Văn D được 1.800.000 đồng, sau đó chia nhau mỗi người 900.000 đồng.

Ngoài ra: Ngày 26/7/2020, T3 điều khiển xe máy Nouvo, biển kiểm soát 14T4-7260, chở M đi đến cửa hàng nội thất ô tô Hoàng Gia Sài Gòn của anh Hoàng Văn S, thuộc tổ 1, khu 4A, phường Q, thành phố Cẩm Phả. T3 dừng xe ở bên ngoài, M vào trong xưởng thấy anh Lê Văn T7 đang ngủ dưới nền nhà, bên cạnh để chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone6, M lấy chiếc điện thoại rồi cùng với T3 đi đến hiệu cầm đồ Xuân Thủy bán cho anh Bùi Văn D, được 500.000 đồng rồi cùng nhau ăn tiêu hết.

Ngoài những lần cùng T3 thực hiện trộm cắp tài sản, Nguyễn Văn M còn thực hiện 02 vụ trộm cắp khác:

Vụ thứ nhất: Khoảng 19 giờ ngày 26/11/2020, M đi bộ đến nhà anh Lương Văn H1 ở tổ 3, khu Đ, phường T1, thành phố Cẩm Phả, thấy cửa mở, không người trông coi. M đi vào trong nhà lục tìm thấy trong ngăn kéo của bàn làm việc kê ở tầng một có chiếc máy tính bảng hiệu Samsung Galaxy tab4 nên đã lấy rồi mang đến cửa hàng điện thoại Văn Hùng của anh Nguyễn Văn H3 ở tổ 2, khu 5B, phường T9, thành phố Cẩm Phả, bán cho anh Nguyễn Văn H2 - là khách đang ở cửa hàng tìm mua máy tính bảng, với giá 500.000 đồng.

Vụ thứ hai: Khoảng 19 giờ ngày 29/11/2020, M đi bộ một mình đến nhà chị Vũ Thị S ở tổ 2, khu Hòa Bình, phường T1, thành phố Cẩm Phả, phát hiện thấy nhà chị S mở cửa, không có người trông coi. M đi vào trong nhà thấy trên tay ghế gỗ kê trong phòng khách để chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu Samsung Galaxy J7 Pro, đang sạc điện. M rút dây sạc, lấy chiếc điện thoại, rồi mang đến hiệu cầm đồ Xuân Thủy bán cho anh Bùi Văn D được 1.000.000 đồng.

Tại các bản kết luận định giá tài sản số 82 ngày 03/12/2020; số 85 ngày 17/12/2020; số 08 ngày 03/02/2021 của Hội đồng định giá thường xuyên định giá tài sản trong tổ tụng hình sự của Ủy ban nhân dân thành phố Cẩm Phả kết luận: Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J7 Pro trị giá 2.796.000 đồng (hai triệu bảy trăm chín mươi sáu); Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7Plus, trị giá 5.000.000 đồng (năm triệu đồng); Chiếc điện thoại di động Iphone Xsmax giá định giá là 15.034.800 đồng (mười năm triệu không trăm ba mươi tư nghìn tám trăm đồng); Máy tính bảng Samsung Galaxy Tab4, trị giá 800.000 đồng (tám trăm nghìn đồng); Chiếc điện thoại di động Samsung A6 Plus trị giá 2.600.000 đồng (hai triệu sáu trăm nghìn đồng). Đối

với chiếc điện thoại Iphone 6 mà M và T3 trộm của anh Lê Văn T7, quá trình điều tra không thu hồi được tài sản, anh Tiến cũng không cung cấp được các giấy tờ liên quan đến tài sản bị mất nên không tiến hành định giá được.

Tại giai đoạn điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Văn M và Nguyễn Ngọc T3 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu ở trên. Các bị cáo khai khi cầm cố hoặc bán tài sản trộm cắp được các bị cáo đều không nói về nguồn gốc tài sản cho người mua, nhận cầm cố biết. Đồng thời các bị cáo đều thừa nhận cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả truy tố về hành vi phạm tội của các bị cáo là đúng người, đúng tội, không oan, không sai. Đối với các yêu cầu bồi thường của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan các bị cáo đều đồng ý bồi thường theo yêu cầu của họ. Riêng đối với yêu cầu bồi thường số tiền 10.000.000 đồng của chị Bích và anh Tùng, các bị cáo chỉ đồng ý bồi thường số tiền thực tế đã lấy là 2.600.000 đồng. Tại phiên tòa bị cáo M đề nghị được bồi thường thay cho bị cáo T3 toàn bộ các thiệt hại gây ra cho bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và được bị cáo T3 đồng ý.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong quá trình điều tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa đã xác định được: Nguyễn Văn M đã thực hiện 07 lần trộm cắp tài sản, tổng trị giá 29.630.000 đồng (hai mươi chín triệu sáu trăm ba mươi nghìn đồng), trong đó Nguyễn Ngọc T3 tham gia cùng M 04 lần trộm cắp với tổng trị giá là 25.234.000 đồng (hai mươi năm triệu hai trăm ba mươi tư nghìn đồng).

Tại giai đoạn điều tra và tại phiên tòa, chị Lê Thị T6 khai: trưa ngày 26/7/2020 tại quán gội đầu của chị Thu ở Tổ 5, khu 4A, phường T9, thành phố Cẩm Phả, trong lúc đang ngủ trưa chị Thu bị mất 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xsmax, màu vàng, dung lượng 64GB chị mua mới vào tháng 01/2020 với giá 27.300.000 đồng. Chị Thu đề nghị các bị cáo phải bồi thường thiệt hại về tài sản với số tiền là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) và đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết, xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Lời khai tại giai đoạn điều tra và tại Đơn đề nghị xét xử vắng mặt nộp cho Tòa án của các bị hại thể hiện:

Chị Bùi Thị B khai: Khoảng hơn 12 giờ ngày 02/11/2020, trong quá trình chị Bích trông của hàng tạp hóa của gia đình và khi chị Bích ngủ trưa, gia đình chị bị mất 01 hòm tôn đựng tiền bán hàng, bên trong có 10.000.000 đồng, gồm nhiều tờ tiền mệnh giá khác nhau từ 1.000 đồng đến 500.000 đồng. Chị Bích yêu cầu các bị cáo phải bồi thường cho gia đình Chị tổng số tiền là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) và đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết, xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Chị Phạm Thị K khai: Khoảng 19 giờ ngày 17/11/2020 tại quầy thuốc của do chị Khuyên quản lý ở Tổ 2, khu G, phường T10, thành phố Cẩm Phả, trong lúc chị Khuyên đang vào phía trong nhà trông con và quên không khóa cửa chính nên đã bị mất số tiền 800.000 đồng là tiền bán hàng tại quầy thanh toán. Chị K yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền 800.000 đồng (tám trăm nghìn

đồng) và đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết, xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Anh Lê Văn D khai: Khoảng 18 giờ 40 phút ngày 10/12/2020 tại nhà riêng của anh D ở Tổ 4, khu Diêm Thủy, phường B, thành phố Cẩm Phả, lợi dụng lúc không có người trông coi, anh bị kẻ gian đột nhập vào trong nhà lấy đi 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A6 Plus anh D mua năm 2018 với giá 7.000.000 đồng. Sau khi mất tài sản anh D đi tìm và dán các hiệu Cầm Đồ nếu phát hiện chiếc điện thoại này thì thông báo cho anh D biết để đến mua lại. Sáng ngày 11/12/2020 anh D được hiệu cầm đồ Văn Hùng thông báo nên đã đến chuộc lại tài sản. Tài sản bị trộm cắp anh D đã tìm lại được nên anh D không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết, xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Chị Lê Thị Thanh V khai: Khoảng 19 giờ ngày 11/12/2020, tại nhà riêng của Chị ở tổ 58, khu M, phường C, thành phố Cẩm Phả, trong lúc chị V đang dọn dẹp phía trong nhà chị V bị mất 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7Plus, 32 GB, màu vàng để trên mặt bàn gỗ kê sát vách ngăn giữa phòng khách và phòng bếp. Trong giai đoạn điều tra, chị V đã được cơ quan Cảnh sát điều tra trả lại tài sản bị mất nên chị V không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường và đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết, xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Ông Lương Văn H1 khai: Khoảng 19 giờ, ngày 26/11/2020 tại cửa hàng khám mắt của ông Hùng ở tổ 3, khu Đ, phường T1, thành phố Cẩm Phả, trong lúc cửa hàng vẫn mở và không có người trông coi, ông H1 bị mất 01 máy tính bảng nhãn hiệu Samsung Galaxy Tab4 để trong ngăn kéo bàn làm việc tại tầng một cửa hàng. Trong giai đoạn điều tra, ông H1 đã được cơ quan Cảnh sát điều tra trả lại tài sản bị mất nên không yêu cầu bị cáo M phải bồi thường và đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết, xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Chị Vũ Thị S khai: Khoảng 19 giờ 30 phút, ngày 29/11/2020, khi chị Sâm đang dọn dẹp trong nhà do sơ hở đã bị mất 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J7 Pro đang sạc trên tay ghế ở phòng khách. Chiếc điện thoại này chị Sâm mua mới vào tháng 12/2017 với giá 6.990.000 đồng. Chị S yêu cầu bị cáo M phải bồi thường thiệt hại với số tiền là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) và đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết, xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Anh Lê Văn T7 khai: Trưa ngày 26/7/2020, khi anh T7 đang ngủ trưa tại cửa hàng nội thất ô tô Hoàng Gia Sài Gòn của anh Hoàng Văn S, thuộc tổ 1, khu 4A, phường Q, thành phố Cẩm Phả thì bị mất 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, dung lượng 16GB, đã cũ anh T7 mua vào tháng 12/2015 nhưng không nhớ giá tiền, anh T7 không có hóa đơn, chứng từ mua bán. Do giá trị tài sản nhỏ nên anh T7 không đề nghị các bị cáo phải bồi thường và đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết, xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Lời khai tại giai đoạn điều tra và tại Đơn đề nghị xét xử vắng mặt nộp cho Tòa án của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thể hiện:

Anh Nguyễn Văn T8 (là chồng chị Bùi Thị B) khai báo nội dung về quá trình mất trộm hòm tôn đựng tiền bán hàng của gia đình như nội dung phần trình bày của chị Bùi Thị B đã nêu ở trên. Anh T8 đề nghị các bị cáo phải bồi thường cho vợ chồng anh T8 số tiền là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

Anh Bùi Văn D khai nhận quá trình mua, cầm cố điện thoại do các bị cáo mang đến đúng như diễn biến nội dung vụ án đã nêu, mỗi lần giao dịch M trực tiếp thực hiện nhưng không nói về nguồn gốc tài sản cho anh D biết. Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7Plus, 32 GB, màu vàng anh D đã mua với giá 1.800.000 đồng (một triệu tám trăm nghìn đồng), trong quá trình điều tra, anh D đã tự nguyện giao nộp cho cơ quan điều tra chiếc điện thoại trên do vậy anh D đề nghị các bị cáo phải bồi thường cho mình số tiền là 1.800.000 đồng (một triệu tám trăm nghìn đồng).

Anh Nguyễn Văn H2 khai nhận ngày 26/11/2020 khi anh H2 đang ở cửa hàng Văn Hùng tìm mua máy tính bảng thì thấy M mang chiếc máy tính bảng Samsung Galaxy Tab4 đến bán nên đã mua của M với giá 500.000 đồng, khi mua M không nói cho anh H2 biết về nguồn gốc tài sản. Trong quá trình điều tra, anh H2 đã tự nguyện giao nộp cho cơ quan điều tra chiếc máy tính bảng trên và không đề nghị bị cáo M phải bồi thường.

Những người làm chứng đều có lời khai phù hợp với diễn biến, nội dung vụ án như đã nêu ở trên, anh Nguyễn Văn H3 và anh Nguyễn Trung H4 là người đã nhận cầm cố, mua tài sản của các bị cáo nhưng khi cầm cố hoặc bán tài sản thì các bị cáo không nói rõ về nguồn gốc của tài sản cho anh H3 và anh H4 biết.

Tại bản Cáo trạng số: 42/CT-VKSCP ngày 22 tháng 3 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh đã truy tố bị can Nguyễn Văn M về tội “Trộm cắp tài sản” theo các điểm b, g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự; truy tố bị can Nguyễn Ngọc T3 về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng: các điểm b, g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M từ 04 (bốn) năm đến 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt (ngày 13/12/2020); không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc T3 từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt (ngày 13/12/2020); không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự (bồi thường thiệt hại): Buộc bị cáo Nguyễn Văn M phải: bồi thường cho chị Lê Thị T6 số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng); bồi thường cho chị Phạm Thị K số tiền 800.000 đồng (tám trăm nghìn

đồng); bồi thường cho chị Bùi Thị B và anh Nguyễn Văn T8 số tiền 2.600.000 đồng (hai triệu sáu trăm nghìn đồng); bồi thường cho chị Vũ Thị S số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng); trả cho anh Bùi Văn D số tiền 1.800.000 đồng (một triệu tám trăm nghìn đồng).

- Áp dụng: điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; các điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 xe máy nhãn hiệu Yamaha Nouvo LX, màu đỏ, đen kèm chìa khóa, số khung RLCN5P110BY302327, số máy 5P11-302335 và số tiền 220.000 đồng; tịch thu, tiêu hủy: 01 biển số xe 14T4-7260; 01 mũ lưỡi trai bằng vải màu trắng; 01 áo phông ngắn tay màu nâu, phần trước thân áo có hoa văn hình cây thông; 01 áo len nam dài tay, màu xám; 01 áo khoác nam bằng vải dù, màu ghi xám có khóa kéo; 01 đôi giày nam màu đen; 01 mũ lưỡi trai bằng vải màu đen; 01 áo bảo hộ nam, dài tay, màu ghi xám, trên nắp túi áo ngực trái logo màu vàng đỏ; 01 áo khoác nam bằng da, màu đen; 01 áo khoác nam có mũ, bằng vải dù màu tím than; 01 áo khoác nam bằng vải màu đen, có khóa kéo, phía sau cổ áo có chữ “Champion products” và 01 đôi giày nam, màu nâu. Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn M: số tiền 41.000.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu xanh đen, kèm 01 sim, số Imei 357625/08/493971/5. Trả lại cho bị cáo Nguyễn Ngọc T3: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vsmart, màu xanh đen, kèm 01 sim, 01 pin.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tài liệu, chứng cứ đã thu thập, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Cẩm Phả, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố: đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về tài liệu, chứng cứ đã thu thập, hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các tài liệu, chứng cứ đã thu thập, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị hại và những người tham gia tố tụng khác, phù hợp với bản ảnh, sơ đồ hiện trường và những tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Từ ngày 26/7/2020 đến ngày 11/12/2020, trên địa bàn thành phố Cẩm Phả, Nguyễn Văn M và Nguyễn Ngọc T3 đã nhiều lần cùng nhau trộm cắp tài sản để bán, cầm cố lấy tiền ăn tiêu. M và T3 đã trộm cắp: 01 chiếc điện thoại di động Iphone Xsmax trị giá 15.034.800 của chị Lê Thị T6, 01 chiếc điện thoại di

động Samsung A6 Plus trị giá 2.600.000 đồng của anh Lê Văn D, 01 chiếc điện thoại Iphone 7Plus trị giá 5.000.000 đồng của chị Lê Thị Thanh V, 2.600.000 đồng của chị Bùi Thị B, 800.000 đồng của chị Phạm Thị K. Ngoài ra Nguyễn Văn M còn trộm cắp 01 chiếc máy tính bảng Samsung Galaxy tab4 trị giá 800.000 đồng của anh Lương Văn H1, 01 chiếc điện thoại di động Samsung Galaxy J7 Pro trị giá 2.796.000 đồng của chị Vũ Thị S. Nguyễn Văn M đã thực hiện 07 lần trộm cắp tài sản, tổng trị giá 29.630.000 đồng (hai mươi chín triệu sáu trăm ba mươi nghìn đồng), trong đó Nguyễn Ngọc T3 tham gia cùng M 04 lần trộm cắp với tổng số trị giá là 25.234.000 đồng (hai mươi năm triệu hai trăm ba mươi tư nghìn đồng). Bị cáo Nguyễn Văn M đã “tái phạm” chưa được xóa án tích, nhưng lần này lại tiếp tục phạm tội. Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả truy tố bị cáo Nguyễn Văn M về tội “Trộm cắp tài sản”, theo các điểm b, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự; truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc T3, về tội “Trộm cắp tài sản”, theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có cơ sở pháp luật.

[3] Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

*“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:*

*...*

*2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:*

*b) Có tính chất chuyên nghiệp;*

*...*

*g) Tái phạm nguy hiểm.”*

[4] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân, là khách thể được pháp luật bảo vệ; thể hiện sự coi thường pháp luật, gây mất trật tự trị an tại địa phương nên cần phải xử lý nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội nhằm giáo dục, răn đe đối với các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Xét tính chất của đồng phạm và vai trò phạm tội của các bị cáo trong vụ án thấy: Các bị cáo cùng cố ý thực hiện một tội phạm nên là đồng phạm với nhau, trong đó bị cáo M là người khởi xướng và thực hiện tội phạm tích cực hơn nên có vai trò cao hơn. Bị cáo T3 tham gia chở M đi trộm cắp, đứng canh giới bên ngoài, sau khi lấy được tài sản thì chở M đi tiêu thụ tài sản nên có vai trò sau bị cáo M.

[6] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[6.1] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Nguyễn Văn M phạm tội không có tình tiết tăng nặng. Bị cáo Nguyễn Ngọc T3 phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[6.2] Về tình tiết giảm nhẹ: Giai đoạn điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, thể hiện chính sách nhân đạo của Nhà nước.

[7] Về hình phạt:

[7.1] Về hình phạt chính: Căn cứ vào các quy định của Bộ luật hình sự, sau khi cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định không những nhằm trừng trị mà còn để cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người có ích cho gia đình, phòng ngừa chung cho xã hội, đáp ứng được mục đích của hình phạt.

[7.2] Về hình phạt bổ sung: Theo khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự thì bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Nhưng xét thấy các bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự (bồi thường thiệt hại):

Bị hại chị Lê Thị Thanh V, anh Lê Văn D, anh Lương Văn H1 (đã nhận được tài sản bị mất) và anh Lê Văn T7 không yêu cầu bồi thường thiệt hại; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, anh Nguyễn Văn H2 không đề nghị bồi thường thiệt hại hoặc có yêu cầu gì khác về tài sản nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bị hại, chị Lê Thị T6 yêu cầu các bị cáo bồi thường 20.000.000 đồng; chị Phạm Thị K yêu cầu các bị cáo bồi thường 800.000 đồng; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, anh Bùi Văn D yêu cầu các bị cáo phải trả lại số tiền 1.800.000 đồng. Bị hại, chị Vũ Thị S yêu cầu bị cáo M phải bồi thường 3.000.000 đồng. Các yêu cầu bồi thường này đều được các bị cáo đồng ý; tại phiên tòa bị cáo M tự nguyện nhận bồi thường thay cho phần nghĩa vụ bồi thường của bị cáo Tuấn và bị cáo T3 đồng ý. Xét thấy đây là thỏa thuận về dân sự dựa trên cơ sở tự nguyện giữa các bên, đảm bảo được quyền, lợi ích hợp pháp cho bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại của bị hại chị Bùi Thị B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, anh Nguyễn Văn T8: Yêu cầu các bị cáo phải bồi thường cho vợ chồng chị Bích và anh Tùng số tiền là 10.000.000 đồng. Tuy nhiên quá trình điều tra vụ án chỉ đủ căn cứ kết luận các bị cáo trộm cắp của gia

định chị Bích số tiền là 2.600.000 đồng, mặt khác chị Bích và anh Tùng cũng không có tài liệu, chứng cứ nào khác chứng M thiệt hại do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là 10.000.000 đồng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo chỉ đồng ý bồi thường cho vợ chồng chị Bích số tiền 2.600.000 đồng nên yêu cầu bồi thường của chị Bích và anh Tùng không có cơ sở chấp nhận. Tại phiên tòa, bị cáo M nhận bồi thường toàn bộ số tiền 2.600.000 đồng cho vợ chồng chị Bích nên buộc bị cáo M phải bồi thường cho chị Bích và anh Tùng tổng số tiền là 2.600.000 đồng (hai triệu sáu trăm nghìn đồng).

[9] Về vật chứng của vụ án:

Chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha Nouvo LX, màu đỏ, đen, số khung RLCN5P110BY302327, số máy 5P11-302335 thu giữ của Nguyễn Ngọc T3 là phương tiện phạm tội và số tiền 220.000 đồng bị cáo T3 không đề nghị nhận lại nên cần tịch thu sung ngân sách nhà nước; 01 biển số xe 14T4-7260 là biển số T3 nhặt được lắp vào xe của mình để khi trộm cắp tránh bị phát hiện, không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy; 01 mũ lưỡi trai bằng vải màu trắng; 01 áo phông ngắn tay màu nâu, phần trước thân áo có hoa văn hình cây thông; 01 áo len nam dài tay, màu xám; 01 áo khoác nam bằng vải dù, màu ghi xám có khóa kéo; 01 đôi giày nam màu đen đã thu giữ của Nguyễn Văn M không liên quan đến hành vi phạm tội nhưng đã cũ hỏng, bị cáo M đề nghị không nhận lại nên cần tịch thu tiêu hủy; 01 mũ lưỡi trai bằng vải màu đen; 01 áo bảo hộ nam, dài tay, màu ghi xám, trên nắp túi áo ngực trái logo màu vàng đỏ; 01 áo khoác nam bằng da, màu đen; 01 áo khoác nam có mũ, bằng vải dù màu tím than; 01 áo khoác nam bằng vải màu đen, có khóa kéo, phía sau cổ áo có chữ “Champion products” và 01 đôi giày nam, màu nâu đã thu giữ của Nguyễn Ngọc T3 không liên quan đến hành vi phạm tội nhưng đã cũ hỏng, bị cáo T3 đề nghị không nhận lại nên cần tịch thu tiêu hủy. Đối với: số tiền 41.000.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu xanh đen, kèm 01 sim, số Imei 357625/08/493971/5 đã thu giữ của bị cáo M không liên quan đến hành vi phạm tội cần trả lại cho bị cáo M. Đối với: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vsmart, màu xanh đen, kèm 01 sim, 01 pin đã thu giữ của bị cáo T3 không liên quan đến hành vi phạm tội cần trả lại cho bị cáo T3.

[10] Đối với: Anh Bùi Văn D, anh Nguyễn Văn H3, anh Nguyễn Trung H4 và anh Nguyễn Văn H2 là những người mua, cầm cố điện thoại, máy tính bảng của Nguyễn Văn M và Nguyễn Ngọc T3, nhưng không biết là tài sản do phạm tội mà có, nên không đề cập xử lý.

Đối với hành vi của Nguyễn Văn M và Nguyễn Ngọc T3 trộm cắp chiếc điện thoại Iphone 6 của anh Lê Văn T7 vào ngày 26/7/2020 nhưng không có căn cứ để định giá tài sản, chưa đủ cơ sở xử lý theo quy định của pháp luật, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả không truy tố, Hội đồng xét xử không xem xét .

Đối với hành vi của Nguyễn Ngọc T3 tham gia cùng với Nguyễn Văn M trộm cắp 800.000 đồng của chị Phạm Thị K, Công an thành phố Cẩm Phả đã ra quyết định

xử phạt hành chính với T3 là phù hợp với quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử không xem xét.

[11] Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[12] Về quyền kháng cáo bản án: Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ vào: Các điểm b, g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật hình sự:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn M phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M 04 (bốn) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt (ngày 13/12/2020).

2. Căn cứ vào: khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật hình sự:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc T3 phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc T3 02 (hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt (ngày 13/12/2020).

3. Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 3, khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585, khoản 1 Điều 586, Điều 587, Điều 589, Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014):

Buộc bị cáo Nguyễn Văn M phải: bồi thường cho chị Lê Thị T6 số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng); bồi thường cho chị Phạm Thị K số tiền 800.000 đồng (tám trăm nghìn đồng); bồi thường cho chị Bùi Thị B và anh Nguyễn Văn T8 số tiền 2.600.000 đồng (hai triệu sáu trăm nghìn đồng); bồi thường cho chị Vũ Thị S số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng); trả cho anh Bùi Văn D số tiền 1.800.000 đồng (một triệu tám trăm nghìn đồng).

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu các bị cáo không thực hiện nghĩa vụ bồi thường (không trả hoặc trả không đầy đủ) thì bị cáo còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán, trừ trường hợp các bên có thoả thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại

Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Căn cứ vào: điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; các điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 xe máy nhãn hiệu Yamaha Nouvo LX, màu đỏ, đen kèm chìa khóa, số khung RLCN5P110BY302327, số máy 5P11-302335 và số tiền 220.000 đồng (hai trăm hai mươi nghìn đồng); tịch thu, tiêu hủy: 01 biển số xe 14T4-7260; 01 mũ lưỡi trai bằng vải màu trắng; 01 áo phông ngắn tay màu nâu, phần trước thân áo có hoa văn hình cây thông; 01 áo len nam dài tay, màu xám; 01 áo khoác nam bằng vải dù, màu ghi xám có khóa kéo; 01 đôi giày nam, màu đen; 01 mũ lưỡi trai bằng vải màu đen; 01 áo bảo hộ nam, dài tay, màu ghi xám, trên nắp túi áo ngực trái logo màu vàng đỏ; 01 áo khoác nam bằng da, màu đen; 01 áo khoác nam có mũ, bằng vải dù màu tím than; 01 áo khoác nam bằng vải màu đen, có khóa kéo, phía sau cổ áo có chữ “Champion products” và 01 đôi giày nam, màu nâu. Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn M: số tiền 41.000.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu xanh đen, kèm 01 sim, số Imei 357625/08/493971/5. Trả lại cho bị cáo Nguyễn Ngọc T3: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vsmart, màu xanh đen, kèm 01 sim, 01 pin.

Tình trạng những vật chứng, tài sản nêu trên theo Biên bản giao vật chứng, tài sản số: 117/BB-THA lập ngày 12/5/2021 giữa Công an thành phố Cẩm Phả và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

5. Căn cứ vào: khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; các điểm a và b khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 21, các điểm a và c khoản 1 Điều 23, điểm b khoản 1 Điều 24, các khoản 2 và 8 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Nguyễn Văn M phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 1.410.000 đồng (một triệu bốn trăm mười nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc T3 phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

6. Căn cứ vào: Các khoản 1 và 4 Điều 331; khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Các bị cáo và chị Lê Thị T6 có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại (vắng mặt) có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (vắng mặt) có quyền kháng cáo phần bản án hoặc quyết định có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- Các bị cáo;
- Các bị hại;
- Người có QL, NV liên quan (bản sao);
- VKSND TP Cẩm Phả;
- Cơ quan CSĐT Công an TP Cẩm Phả;
- Trại tạm giam CA tỉnh Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Cơ quan THAHS;
- THADS. TP Cẩm Phả;
- Lưu hồ sơ; Lưu TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Quyền**